TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/3/2024
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mai
2. Ông Trần Sinh Tụ

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Bà Hoàng Thị Lệ Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 649/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2023 về "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Xuân A, sinh năm 1967. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ E, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Dương Xuân A *trình bày:* Ông và bà Y có đăng ký kết hôn năm 1996 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện, tình cảm vợ chồng thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc và đã có 1 con chung tên con là Dương Thị Lan A1, sinh năm 1997 đã xây dựng gia đình. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cách đây đã 20 năm, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hiện tại đã sống ly thân mỗi người 1 nơi, nay ông A xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Y.

Khi ly hôn về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và khoản nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Y *trình bày*: Bà Y kết hôn với ông A năm 1996 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khi sinh con gái được 6 tuổi thì mâu thuẫn , hiện tại đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, nay ông A xin ly hôn bà nhất trí bà đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con tên là Dương Thị Lan A1 sinh năm 1997 đã xây dựng gia đình không yêu cầu giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Ông A đề nghị Tòa án không hòa giải, bà Y đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt nên phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông A được ly hôn bà Y; Về con chung đã trưởng thành; Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết; Về án phí: Ông A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân**:** Ông A kết hôn với bà Y năm 1996 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2012 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm không còn quan tâm đến

nhau nữa. Quá trình giải quyết cả hai bên ông A và bà Y đều xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn . Tại phiên tòa ông A vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y. Bà Y đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông A và bà Y đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần xử cho ông A được ly hôn bà Y là phù hợp.

[2.3]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông A và bà Y có 1 con chung tên là Dương Thị Lan A1, sinh năm 1997 đã xây dựng gia đình không giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

2.4. Về án phí: Trong vụ án này ông A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nộp vào ngân sách nhà nước.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271,Điều 273, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Dương Xuân A được ly hôn bà Nguyễn Thị Y

2. Về con chung: Đã trưởng thành không giải quyết

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không giải quyết

4. Về án phí: Ông A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0002142 ngày 24/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho ông A biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Y có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND phường Thịnh Đán, TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Dương Thị Liên